TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 928/2024/HC-PT
Ngày 28 - 8 - 2024
V/v: *Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Văn Phượng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2024/TLPT-HC ngày 15 tháng 3 năm 2024 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai"*;

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 174/2023/HC-ST ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2037/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số: 320/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2255/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:*

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1961 (có mặt);

2. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ G, thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Hoàng Thế T (có mặt) và Luật sư Phạm Văn Đ (vắng mặt).;

Cùng địa chỉ: Số H đường Đ, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Quang T1, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc T2, chức vụ: Phó chủ tịch (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ trụ sở: Số B đường T, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc T2, chức vụ: Phó chủ tịch (có đơn xin vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Bá T3, chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ (vắng mặt);

Địa chỉ trụ sở: Số B đường T, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T4, chức vụ: Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ trụ sở: Số D đường T, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ trụ sở: Số B đường T, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Công ty Cổ phần D.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang Thanh L, chức vụ: Giám đốc (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số H đường P, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4. Công ty Cổ phần K;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Ngọc S1, chức vụ: Trưởng phòng tổ chức nhân sự (có mặt, vắng mặt lúc tuyên án).

Địa chỉ: Số H đường P, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn S và bà Đặng Thị H là Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-7-2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14-8-2022, bản tự khai của người khởi kiện ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H trình bày:

Nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất số 671, tờ bản đồ số 18 (2011) xã X, T, tỉnh Lâm Đồng:

Năm 1992, gia đình ông S, bà H đã khai hoang 1 lô đất nằm tại thửa 671, tờ bản đồ số 18 (2011) xã X, thành Phố Đ, tỉnh Lâm Đồng diện tích 741m^2. Địa chỉ thửa đất: Tổ A, thôn L, Xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Gia đình ông S, bà H đã sử dụng, canh tác trồng cây hoa màu từ năm 1992 đến nay, không tranh chấp, lấn chiếm với bất kỳ hộ kế cạnh nào. Thửa đất nói trên, gia đình ông S, bà H kê khai trong quá trình sử dụng đất từ năm 1992, được đo vẽ thiết lập bản đồ kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo chủ trương của nhà nước từ năm 2009. Căn cứ vào quy định của Luật Đất đai năm 2013, có hiệu lực vào ngày 01/7/2014 thì thửa đất của ông S, bà H đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.

Đến tháng 3/2022, khi ông S, bà H được mời đến Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, ông mới biết được có Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 04/05/2021 của UBND thành P. Quyết định về việc thu hồi đất số thửa 671, tờ bản đồ số 18 (2011), xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; diện tích: 741m^2, do ông S, bà H đang sử dụng để thực hiện dự án: Xây dựng nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K.

Ông S, bà H khiếu nại Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ủy ban nhân dân thành phố Đ ra Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H (lần đầu) với nội dung *"Không chấp nhận nội dung đơn của ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H khiếu nại Quyết định số 1489/QĐ/UBND ngày 04/5/2021 của UBND thành phố Đ về việc thu hồi đất do ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H đang sử dụng. Yêu cầu tính toán bồi thường, hỗ trợ về đất hoặc vật kiến trúc, yêu cầu bố trí tái định cư do thu hồi đất thuộc dự án xây dựng nhà máy C tại xã X, thành phố Đ."*

Do đó, ông S, bà H nộp đơn khởi kiện tại Toà án yêu cầu:

+ Hủy Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 04-5-2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc thu hồi đất do ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H đang sử dụng để thực hiện dự án xây dựng nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K.

+ Hủy Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 04-7-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H.

Vì các lý do sau: Một là Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 04/05/2021 của UBND thành P thu hồi đất của gia đình ông S, bà H để xây dựng nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K. Không nằm trong quy định của Điều 62, 82, Luật Đất đai 2013, có hiệu lực ngày 01/7/2014. Hai là theo quy định của nghị định 43/ NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai thì ông S, bà H sử dụng thửa đất 671, 30 năm liên tục không tranh chấp với ai chưa bị thu hồi đất. Ba là theo quy định của nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Thửa đất 671, tờ bản đồ 18(2011), diện tích 741m^2, xã X, thành phố Đ của ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H được bồi thường theo điểm a, Khoản 1, Điều 7, Nghị định 47/NĐ-CP Ngày 15/5/2014 của chính phủ, nếu nhà nước thu hồi theo điều 62 Luật đất đai 2013. Bốn là gia đình ông S, bà H chưa được biết dự án phát triển kinh tế, xã hội nào được phê duyệt sẽ xây dựng tại xã X, T, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đ, UBND thành phố Đ trình bày:

I. Quá trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H:

1. Trình tự, thủ tục và cơ sở pháp lý ban hành Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND thành phố Đ về việc thu hồi đất do ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H đang sử dụng để thực hiện dự án xây dựng nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K:

Ngày 28/10/2019, UBND tỉnh L ban hành Văn bản số 7022/UBND-ĐC về việc chấp thuận vị trí đất tại xã X, thành phố Đ để di dời Nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K với diện tích 10.211m^2 thuộc thửa đất số 671, 695, 703, tờ bản đồ số 18, xã X, thành phố Đ. Phạm vi ảnh hưởng liên quan trực tiếp đến 03 hộ gia đình, cá nhân, diện tích đo đạc kiểm đếm 2.367,3m^2; còn lại diện tích đất thu hồi thuộc nghĩa trang đang tồn tại 45 ngôi mộ (được lập 33 biên bản kiểm đếm hiện trường) và phần đất do Công ty Cổ phần G mượn tạm để xây dựng

trạm phục vụ tuần tra canh gác bảo vệ rừng (theo biên bản làm việc ngày 30/3/2010, giữa UBND xã X với Công ty Cổ phần G).

Ngày 16/01/2020, UBND thành phố Đ ban hành Thông báo số 15/TB-UBND Về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: di dời Nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K tại xã X, thành phố Đ.

Ngày 04/5/2021, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 1489/QĐ-UBND, trong đó thu hồi 741,0m^2 đất do ông (bà) Nguyễn Văn S - Đặng Thị H đang sử dụng, thuộc thửa đất số 671, tờ bản đồ số 18, xã X, thành phố Đ để thực hiện dự án: xây dựng Nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K.

2. Về bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư:

Ngày 04/5/2021, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 1486/QĐ-UBND Về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ do di dời, giải tỏa để thực hiện dự án: xây dựng Nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K, trong đó: Ông, bà Nguyễn Văn S - Đặng Thị H được bồi thường, hỗ trợ: không đồng.

Ngày 05/4/2022, UBND thành phố Đ ban hành Văn bản số 1917/UBND-NC Về việc thống nhất chi phí hỗ trợ cho 03 hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án xây dựng Nhà máy C tại xã X, thành phố Đ, trong đó: ông (bà) Nguyễn Văn S - Đặng Thị H được hỗ trợ về vật kiến trúc: 8.064.000 đồng; về đất: 118.560.000. Tổng số tiền hỗ trợ: 126.624.000 đồng.

Về tái định cư: không được bố trí tái định cư.

3. Về giải quyết đơn khiếu nại của ông (bà) Nguyễn Văn S - Đặng Thị H:

Ông Nguyễn Văn S khiếu nại không đồng ý Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND thành phố Đ Về việc thu hồi đất do ông (bà) Nguyễn Văn S - Đặng Thị H đang sử dụng; yêu cầu tính toán bồi thường, hỗ trợ về đất hoặc vật kiến trúc; yêu cầu giải quyết bố trí tái định cư do thu hồi đất thuộc dự án xây dựng Nhà máy C tại xã X, thành phố Đ.

Ngày 04/7/2022, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 2104/QĐ-UBND Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn S (lần đầu) với nội dung: *Không chấp nhận nội dung đơn ông Nguyễn Văn S khiếu nại Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND thành phố Đ về việc thu hồi đất do ông (bà) Nguyễn Văn S - Đặng Thị H đang sử dụng; yêu cầu tính toán bồi thường, hỗ trợ về đất hoặc vật kiến trúc; yêu cầu giải quyết bố trí tái định cư do thu hồi đất thuộc dự án xây dựng Nhà máy C tại xã X, thành phố Đ.*

II. Quan điểm của UBND thành phố Đ đối với yêu cầu khởi kiện của ông (bà) Nguyễn Văn S - Đặng Thị H:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND thành phố Đ

Căn cứ Điểm d, Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 quy định thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng:

"3. Thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất bao gồm:

..d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.."

Căn cứ Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của UBND tỉnh L Về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2019, thành phố Đ.

Căn cứ Văn bản số 7022/UBND-ĐC ngày 28/10/2019 của UBND tỉnh L về việc chấp thuận vị trí đất tại xã X, thành phố Đ để di dời Nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K;

Ngày 16/01/2020, UBND thành phố Đ ban hành Thông báo số 15/TB-UBND Về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: di dời Nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K tại xã X, thành phố Đ.

Căn cứ quy định nêu trên, việc UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 1489/QĐ-UBND Về việc thu hồi đất do ông (bà) Nguyễn Văn S - Đặng Thị H đang sử dụng để thực hiện dự án: xây dựng Nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K là đảm bảo theo quy định. Do đó, việc ông (bà) Nguyễn Văn S - Đặng Thị H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND thành phố Đ là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

2. Đối với yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn S:

Việc Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định 2104/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn S là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011 và Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại. Do đó, việc ông Nguyễn Văn S, bà

Đặng Thị H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

UBND thành phố Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật./.

Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh L trình bày:

1. Về việc ban hành Quyết định số 2815/QĐ-UBND về việc quản lý, sử dụng nghĩa trang trên địa bàn Thành phố Đ.

- Ngày 20/6/1998, UBND thành phố Đ có tờ trình số 444/TT-UB gửi UBND tỉnh L đề nghị giao nhiệm vụ quản lý các nghĩa trang trên địa bàn thành phố Đ cho Công ty Q.

- Ngày 13/10/1998, UBND Sở Địa chính có Tờ trình số 638/TTr-ĐC gửi UBND tỉnh L đề nghị phê duyệt vị trí, danh sách các nghĩa trang tiếp tục sử dụng trên địa bàn Thành phố Đ và đề nghị giao Công ty quản lý công trình đô thị có trách nhiệm lập hồ sơ địa chính cụ thể từng nghĩa trang (đo đạc, cắm mốc ranh giới…) để tránh tình trạng lấn chiếm đất đai.

- Ngày 28/10/1998, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 2815/QĐ-UBND về việc quản lý, sử dụng nghĩa trang trên địa bàn Thành phố Đ, trong đó:

Vị trí và diện tích được chấp thuận chủ trương thuộc Tập đoàn G1 xã X là 3 ha, trong đó có 2,5 ha đã đưa vào sử dụng (1000 ngôi mộ).

Giao Công ty quản lý công trình đô thị quản lý các nghĩa trang và có trách nhiệm các ban ngành liên quan lập hồ sơ địa chính, xác định ranh giới cụ thể trình UBND tỉnh xem xét giao đất.

2. Việc UBND thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất

Ngày 28/10/2019, UBND tỉnh L ban hành Văn bản số 7022/UBND-ĐC về việc chấp thuận vị trí đất tại xã X, thành phố Đ để di dời nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K;

Phạm vi ranh giới thu hồi đất được UBND tỉnh L chấp thuận tại Văn bản số 7022/UBND-ĐC, diện tích 10.211m^2 thuộc thửa đất số 671, 672, 673, 695, 703, tờ bản đồ số 18, xã X, thành phố Đ. Phạm vi ảnh hưởng liên quan trực tiếp đến 03 hộ gia đình, cá nhân, diện tích đo đạc kiểm đếm 2.367,3m^2; còn lại diện tích đất thu hồi thuộc nghĩa trang đang tồn tại 45 ngôi mộ (được lập 33 biên bản kiểm đếm hiện trường) và phần đất do Công ty Cổ phần G mượn tạm để xây dựng trạm phục

vụ tuần tra canh gác bảo vệ rừng (theo biên bản làm việc ngày 30/3/2010, giữa UBND xã X với Công ty Cổ phần G).

Ngày 16/04/2020, UBND thành phố Đ ban hành Thông báo số 15/TB-UBND Về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: di dời nhà máy C của Công ty Cổ phần K tại xã X, thành phố Đ.

Ngày 04/5/2021, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 1489/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do ông (bà) Nguyễn Văn S - Đặng Thị H đang sử dụng để thực hiện dự án: xây dựng nhà máy C của Công ty Cổ phần K, thu hồi 741,0m^2 đất do ông (bà) Nguyễn Văn S - Đặng Thị H đang sử dụng, thuộc thửa đất số 671, tờ bản đồ số 18, xã X, thành phố Đ (kèm theo họa đồ thu hồi đất).

3. Kiến nghị về việc giải quyết

Từ nội dung vụ việc và các căn cứ pháp lý nêu trên, kiến nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xem xét các nội dung đã trình bày nêu trên và căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND thành phố Đ trình bày:

Trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ:

Căn cứ Điểm a, Khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

Việc quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày;

Căn cứ Điều 29, Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh L *"Ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất".*

Xét đề nghị của Phòng T tại Tờ trình số 278/TTr-TNMT ngày 27/4/2021 về việc đề nghị ban hành Quyết định thu hồi đất và phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ thuộc dự án xây dựng nhà máy C của Công ty Cổ phần K; kèm theo Tờ trình số 150/TTr/TTPTQĐ-CTYCPKSVLXD ngày 15/4/2021 của Liên ngành Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đ và Công ty Cổ phần K.

Ngày 04/5/2021, Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 1486/QĐ-UBND về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ do di dời, giải tỏa

để thực hiện dự án: Xây dựng nhà máy C của Công ty Cổ phần K: Phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân do di dời, giải tỏa để thực hiện dự án xây dựng nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K tại xã X, thành phố Đ với tổng số tiền 19.300.000 đồng (Mười chín triệu ban trăm ngàn đồng), cụ thể: Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H số tiền BT, HT: 6.000.000 đồng; Đinh Văn T5 (chết) – Trương Thị L1 số tiền BT, HT: 13.300.000 đồng; Nguyễn Văn S – Đinh Thị H1 số tiền BT, HT: 0 đồng.

Nguyên tắc và phương pháp bồi thường, hỗ trợ:

- Bồi thường về đất:

Nguồn gốc: Theo biên bản họp xét nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của UBND xã X họp xét vào ngày 15/4/2020 và Biên bản làm việc ngày 28/8/2020 xác nhận: Đất thuộc nghĩa trang G1 cũ, giao cho Công ty Cổ phần D quản lý, các hộ sử dụng năm 1995-1996;

Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật Đất đai ngày 29/11/2013 quy định: Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất:

"1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này;

2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;

3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này;

4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này."

Căn cứ Khoản 1, Điều 64, Luật Đất đai ngày 29/11/2013 quy định: Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai.

1. Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai bao gồm:

a) Sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích mà tiếp tục vi phạm;

b) Người sử dụng đất cố ý hủy hoại đất;

c) Đất được giao, cho thuê không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền;

d) Đất không được chuyển nhượng, tặng cho theo quy định của Luật này mà nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho;

đ) Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm;

e) Đất không được chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Luật này mà người sử dụng đất do thiếu trách nhiệm để bị lấn, chiếm;

g) Người sử dụng đất không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà không chấp hành;

h) Đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục; đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn 18 tháng liên tục; đất trồng rừng không được sử dụng trong thời hạn 24 tháng liên tục;

i) Đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp do bất khả kháng.

- Căn cứ tính toán phần nhà, vật kiến trúc:

+ Đối với các hộ gia đình, cá nhân: Không có nhà ở, các công trình kiên cố. Trên đất chỉ có các hạng mục như hàng rào, ống nước…phục vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Đơn giá bồi thường, hỗ trợ: Áp dụng theo đơn giá quy định tại Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 13/3/32019 của Ủy ban nhân dân tỉnh L *v/v Ban hành đơn giá xây dựng mới biệt thự, nhà ở và đơn giá cấu kiện tổng hợp để xác định giá trị tài sản là công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*

- Bồi thường về cây trồng:

Nguyên tắc: Thực hiện theo điểm a, b, c khoản 1 Điều 90 Luật Đất đai ngày 29/11/2013 quy định: Khi nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với cây trồng thì việc bồi thường thực hiện theo quy định sau đây:

"a) Đối với cây hàng năm, mức bồi thường được tính bằng giá trị sản lượng của vụ thu hoạch. Giá trị sản lượng của vụ thu hoạch được tính theo năng suất của vụ cao nhất trong 03 năm trước liền kề của cây trồng chính tại địa phương và giá trung bình tại thời điểm thu hồi đất;

b) Đối với cây lâu năm, mức bồi thường được tính bằng giá trị hiện có của vườn cây theo giá ở địa phương tại thời điểm thu hồi đất mà không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất;

c) Đối với cây trồng chưa thu hoạch nhưng có thể di chuyển đến địa điểm khác thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại thực tế do phải di chuyển, phải trồng lại;"

Đơn giá bồi thường cây trồng: Theo quy định tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh L *"v/v Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất".* Trường hợp các loại cây không có trong đơn giá thì áp dụng đơn giá cây trồng tương đương.

2. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Văn bản số 1917/UBND-NC ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ:

Xét Tờ trình số 78/TTr-TNMT ngày 23/12/2022 và Tờ trình số 153/TTr-TNMT ngày 31/3/2022 của phòng T. Ngày 05/4/2022 UBND thành phố Đ ban hành Văn bản số 1917/UBND-NC về việc thống nhất chi phí hỗ trợ cho 03 hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án xây dựng Nhà máy C tại xã X, thành phố Đ: Thống nhất chi phí hỗ trợ cho 03 hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án xây dựng Nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K tại xã X, thành phố Đ theo đề xuất của Phòng T tại Tờ trình số 78/TTr-TNMT ngày 23/02/2022 và Tờ trình số 153/TTr-TNMT ngày 31/3/2022, cụ thể như sau: Chi phí hỗ trợ về vật kiến trúc và đất cho 03 hộ gia đình, cá nhân do Công ty Cổ phần K cam kết hỗ trợ là 574.480.000 đồng (năm trăm bảy mươi tư triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng, cụ thể: Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H2 đồng; Đinh Văn T5 (chết) – Trương Thị L1 324.813.000 đồng; Nguyễn Văn S – Đinh Thị H1 126.624.000 đồng.

Căn cứ quy định khoản 4 Điều 33 Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh L ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng quy định "Trách nhiệm của nhà tư, chủ dự án": *"Có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các phòng, ban, đơn vị liên quan của cấp huyện trong quá trình giải quyết những khó khăn, vướng mắc, những phát sinh trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; cùng với chính quyền, đoàn thể của địa phương thực hiện các biện pháp để hỗ trợ thêm (ngoài khung chính sách, đơn giá quy định của Nhà nước) để đảm bảo ổn định đời sống, việc làm cho người bị thu hồi đất trong vùng thực hiện dự án."*

Ngày 22/02/2022, Phòng T đã tổ chức mời Trung tâm Phát triển quỹ đất Đ và Công ty Cổ phần K: Qua tổ chức làm việc với Công ty Cổ phần K thống nhất:

Số tiền hỗ trợ chi phí cho 03 hộ gia đình, cá nhân, vật kiến trúc với tổng số tiền 202.472.000 đồng (Hai trăm lẻ hai triệu, bốn trăm bảy mươi hai ngàn đồng) theo nội dung tại Tờ trình số 67/TTr-TTPTQĐ ngày 16/02/2022 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Đ, Công ty Cổ phần K cam kết hỗ trợ cho các hộ dân trong vùng dự án, sô tiền này do Công ty chi trả ngoài tiền ngân sách của Nhà nước và không khấu trừ vào tiền thuê đất, giao đất theo quy định.

Ngày 18/3/2022, Công ty Cổ phần K có văn bản số 67/CV-LBM, về việc đề nghị phối hợp đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác di dời, bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án nhà máy C, xã X, thành phố Đ, với nội dung: Công ty T6 hỗ trợ bằng 02 đơn giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm vị trí 1 tại xã X, nguồn kinh phí hỗ trợ do Công ty Cổ phần K chi trả. Đơn giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, vị trí 1, xã X theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 22/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh L là 80.000đồng/m^2, đơn giá hỗ trợ 80.000 đồng/m^2 x 2 lần = 160.000 đồng/m^2. Số tiền hỗ trợ chi phí cho 03 hộ gia đình, cá nhân về đất với tổng số tiền 372.368.000 đồng (Ba trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi tám ngàn đồng). Nguồn vốn: do Công ty Cổ phần K cam kết hỗ trợ cho các hộ dân trong vùng dự án, số tiền này do Công ty C1 ngoài tiền ngân sách nhà nước và không được khấu trừ vào tiền thuê đất, giao đất theo quy định.

Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần K trình bày:

Công ty không đồng ý hủy các Quyết định số:1489/QĐ-UBND ngày 04/5/2021, 2102/QĐ-UBND ngày 04/7/2021 và Quyết định số 2102/QĐ- UBND ngày 04/7/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đ. Với các lý do sau:

- Nhà nước thu hồi đất tại Phường A nơi Nhà máy C của Công ty đang hoạt động nên Nhà nước bố trí quỹ đất tại xã X (đất Nghĩa trang G1 xã X, thành phố Đ) để Công ty di dời Nhà máy này về vị trí mới nhằm tiếp tục thực hiện Dự án đầu tư Nhà máy S3 đã đầu tư theo Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp vào năm 2008.

- Các Sở ban ngành của tỉnh và Công ty đã đồng ý nhận quỹ đất với diện tích là 10.211 m^2 tại xã X để di dời Nhà máy Cao Lanh Trại Mát theo Tờ trình của Sở T lập vào ngày 21/10/2019;

- Công ty đã tạm ứng tiền để giải tỏa mặt bằng để thực hiện dự án Nhà máy C theo các Quyết định của UBND thành phố Đ với số tiền là 700,046,000 đồng.

- UBND tỉnh L đã chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp nhận nhà đầu tư tại Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 và Công ty đã ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án Nhà máy C với số tiền 449.970.900 đồng.

- Công ty đã nhận bàn giao phần tại vị trí đất Xuân Thọ theo biên bản lập ngày 16/11/2021 với diện tích 7.930,7 m^2. Đến nay, diện tích chưa giải phóng mặt bằng là 2.280,30 m^2 gồm 03 hộ dân trên nên Công ty chưa nhận bàn giao đất đầy đủ để triển khai được dự án.

Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần D trình bày:

1. Về hồ sơ quản lý nghĩa trang: Căn cứ Quyết định số 2815/QĐ-UB ngày 28/10/1998 của UBND tỉnh L về việc quản lý, sử dụng nghĩa trang trên địa bàn thành phố Đ và Bản đồ vị trí các điểm nghĩa trang tiếp tục sử dụng trên địa bàn thành phố Đ (Tỷ lệ: 1/25.000) đính kèm. Theo đó, UBND tỉnh L phê duyệt vị trí, danh sách các nghĩa trang trên địa bàn thành phố Đ tiếp tục sử dụng gồm 08 nghĩa trang và 27 nghĩa trang còn lại tạm ngưng sử dụng (cụ thể có danh sách và vị trí các nghĩa trang trên bản đồ tỷ lệ 1/25.000 kèm theo). Theo danh sách và bản đồ xác định vị trí nghĩa trang G1 có số thứ tự là 26.

2. Về quá trình phối hợp với các ngành chức năng:

Căn cứ Văn bản số 7022/UBND-ĐC ngày 28/10/2019 của UBND tỉnh L về việc chấp thuận vị trí đất tại xã X, thành phố Đ để di dời nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K.

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 12; 13; 14; 15/TB-UBND để thực hiện dự án di dời nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K tại xã X, thành phố Đ.

Theo Báo cáo số: 13/BC-UBND ngày 16/4/2020 của UBND xã X về Kết quả họp xét nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của các hộ dân thuộc dự án di dời nhà máy C của Công ty Cổ phần K tại tổ A, thôn L, xã X, thành phố Đ; trong đó xác định nguồn của các thửa đất số 671; 671; 671 và 695, tờ bản đồ số 18, xã X có nguồn gốc: Đất nghĩa trang, tự khai phá năm 1995 – 1996.

Ngày 28/8/2020, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Đ đã chủ trì, phối hợp cùng UBND xã X và Công ty Cổ phần D với nội dung:

Vị trí thu hồi gồm các thửa đất số 671, 695, 703, tờ bản đồ số 18, xã X, thành phố Đ (kết quả đo đạc năm 2018) và theo bản đồ đo đạc năm 1996 thuộc thửa đất số 878, tờ bản đồ số 26, xã X; loại đất: Đất chuyên dùng.

Căn cứ Kết quả họp xét nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất theo Báo cáo số: 13/BC-UBND ngày 16/4/2020 của UBND xã X đã có ý kiến như sau: Vị trí các thửa đất thu hồi để thực hiện dự án di dời nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K theo Văn bản số 7022/UBND-ĐC ngày 28/10/2019 của UBND tỉnh L; thuộc phạm vi Nghĩa trang Tập đoàn G1, xã X đã được UBND tỉnh L giao cho Công ty quản lý tại quyết định số 2815/QĐ-UB ngày 28/10/1998. Hiện nay nghĩa trang này đã ngưng chôn cất.

Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 174/2023/HC-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai"* đối với yêu cầu:

+ Hủy Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 04-5-2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc thu hồi đất do ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H đang sử dụng để thực hiện dự án xây dựng nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K.

+ Hủy Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 04-7-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/11/2023 ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H có đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn S có mặt, bà H vắng mặt vì bệnh, ông S bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông S, bà H trình bày:

I. Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng vi phạm Luật Tố tụng hành chính như sau:

1.1. Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng không đưa UBND xã X, T, tỉnh Lâm Đồng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có nghĩa vụ liên quan. Vì UBND xã X, thành phố Đ là cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai ở địa phương. Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng không triệu tập UBND xã X tham gia phiên tòa với tư

cách là người có nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng hành chính. Vì UBND xã X là cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai tại địa phương.

1.2. Ngày 29/3/2023, ông S, bà H đã có đơn yêu cầu UBND thành phố Đ cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến thửa đất 671 *tờ bản đồ số 18(2011) xã X, thành phố Đ, diện tích 741 m^2, nhưng UBND thành phố Đ không cung cấp.*

Ngày 19/7/2023 có đơn yêu cầu TAND tỉnh Lâm Đồng thu thập chứng cứ nhưng TAND tỉnh Lâm Đồng không thu thập chứng cứ, cố tình xét xử trái luật TTDS, trái Luật Đất đai năm 1993, 2003, 2013.

II. Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng vi phạm nghiêm trọng về nội dung vì những lý do như sau:

Thứ nhất: Vi phạm Luật Đất đai năm 2013

Thửa đất của ông S, bà H đã được cập nhật thể hiện là đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; được thể hiện rõ trên cổng thông tin điện tử của UBND thành phố Đ. Thông tin trên cổng thông tin điện tử Quy hoạch thành phố Đ thể hiện rõ thửa đất 671 là đất ở nông thôn: Bản đồ số 18 quy hoạch sử dụng đất xã X, cổng thông tin quy hoạch thành phố Đ. Quyết định số: 704/QĐ-TTg ngày 12/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đ và vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Quyết Định số: 1409/QĐ-UBND ngày 27/6/2019, của Ủy ban nhân dân tỉnh L, về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Đ. Quyết Định số: 2199/QĐ-UBND ngày 09/11/2023, của Ủy ban nhân dân tỉnh L, về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Đ. Đã có ý kiến của 12 cá nhân cư trú trên 20 năm trên địa bàn xác nhận thời gian ông S, bà H sử dụng thửa đất 671, tờ bản đồ 18 (2011) của xã X, thành phố Đ. Ông S và bà H sử dụng liên tục từ năm 1992 đến nay (32 năm), không tranh chấp với ai, đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, thực hiện nghĩa vụ thuế đầy đủ với Nhà nước. Bản án sơ thẩm cho rằng UBND xã X đã đăng ký kê khai trong Sổ mục kê diện tích đất thửa 671 là không có căn cứ vì: Quyết định số 924/QĐ/UB-TC ngày 03/11/1994 của UBND tỉnh L về việc thành lập Sở Địa chính tỉnh L; Công văn số: 647-CV/ĐC ngày 31/5/1995 của T7 về việc hướng dẫn một số điểm thực hiện Nghị Định số 60/CP của Chính phủ; Chỉ thị số: 22/CT-UB ngày 24/6/1997 của UBND tỉnh L về việc tập trung đẩy mạnh việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và S2 mục kê không có chữ ký của người đăng ký thì việc xác lập khi nào cũng được. Hơn nữa cũng chưa có đơn vị hành chính xã nào đăng ký đất đai chưa sử dụng vào Sổ mục kê của những năm

90 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Việc UBND thành phố Đ thu hồi đất để giao cho Công ty TNHH K thực hiện dự án: Xây dựng nhà máy C của Công ty Cổ phần K và vật liệu xây dựng Lâm Đồng là trái quy định của pháp luật về đất đai tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013 và tại Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 quy định việc thu hồi đất. Vậy Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 04/05/2021 của UBND thành phố Đ thu hồi đất của gia đình để xây dựng nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K không nằm trong quy định của Điều 62, 82, Luật Đất đai năm 2013, có hiệu lực ngày 01/7/2014.

Thứ hai: Vi phạm Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ

Theo quy định của Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 4 Điều 22 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, ông S, bà H sử dụng thửa đất 672, 32 năm liên tục không tranh chấp với ai chưa bị thu hồi đất.

Thứ ba: Theo quy định của Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 2 Điều 74 và khoản 3 Điều 78 Luật Đất đai năm 2013.

Thứ tư: Chưa được biết dự án phát triển kinh tế, xã hội nào được phê duyệt sẽ xây dựng tại xã X, T, tỉnh Lâm Đồng.

Thứ năm: Vi phạm Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 19/10/2004.

UBND thành phố Đ lấy đất của gia đình ông S đang sử dụng và sinh sống trên mảnh đất này 32 năm (từ năm 1992), để giao cho Công ty TNHH K là trái quy định của pháp luật. Vì Công ty TNHH K cũng là tư cách tư nhân, không có quy định nào quy định việc Nhà nước thu hồi đất giao cho tư nhân làm dự án nếu chưa có thỏa thuận của các bên.

Thứ sáu: Vi phạm Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007

Gia đình ông S, bà H khai hoang sử dụng từ năm 1992 đến nay chưa bị ai lập biên bản vi phạm, chưa ai lập văn bản ngăn chặn. UBND thành phố Đ thu hồi quyền sử dụng đất của gia đình ông S, bà H với việc thu hồi đất là một quy định hết sức chặt chẽ của pháp luật được quy định rất rõ tại Luật Đất đai năm 1993, được sửa đổi năm 2003; Luật Đất đai năm 2013 và các nghị định của Chính phủ đi kèm theo Dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, kèm theo phương án đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư, tái định canh.v.v... Nhưng Ông S, bà H không hề biết những nội dung đó. Đây là việc làm vi phạm nghiêm trọng pháp luật về đất đai. Do vậy, ông S, bà H kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm do TAND tỉnh Lâm Đồng xét xử vào ngày 21/11/2023, kính mong TAND cấp

cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm: Hủy bản án hành chính sơ thẩm do TAND tỉnh Lâm Đồng xét xử vào ngày 21/11/2023; Giao hồ sơ cho TAND tỉnh Lâm Đồng giải quyết lại theo thủ tục chung.

Ông Nguyễn Văn S trình bày: Đồng ý với ý kiến của Luật sư.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H, Ông S và luật sư yêu cầu huỷ án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại. Xét kháng cáo của ông S, diện tích đất 741m^2 do gia đình ông khai hoang, sử dụng từ năm 1992, có kê khai đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh. Tài liệu của Ủy ban nhân dân xã X cung cấp thì diện tích đất tranh chấp theo Sổ mục kê là do Ủy ban nhân dân xã X đăng ký kê khai đất nghĩa trang. Năm 2012, ông S đi kê khai, do đất đã được Ủy ban nhân dân xã X đăng ký nên ông S không được giải quyết và ông S cũng không có khiếu nại. Diện tích 741m^2 đất nghĩa trang do Ủy ban nhân dân xã X quản lý nên Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Luật sư của ông S yêu cầu huỷ án sơ thẩm là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:*

Ngày 22-7-2022, ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 04-5-2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc thu hồi đất do ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H đang sử dụng để thực hiện dự án xây dựng nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K và huỷ Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 04-7-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[2.1] Ngày 24-10-2019, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 2274/QĐ-UBND về việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2019, thành phố Đ.

Ngày 28-10-2019, UBND tỉnh L ban hành Văn bản số 7022/UBND-ĐC về việc chấp thuận vị trí đất tại xã X, thành phố Đ để di dời Nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K với nội dung *"Chấp thuận thu hồi, cho Công ty Cổ phần K thuê đất tại vị trí mới thuộc xã X, thành phố Đ (để di dời nhà máy C tại phường A); diện tích chấp thuận thu hồi là 10.211m^2, thuộc các thửa đất số 671, 672, 673, 695, 703, tờ bản đồ số 18, xã X, thành phố Đ; giao cho UBND thành phố Đ thực hiện việc thu hồi bồi thường, giải phóng mặt bằng tại nhà máy C tại phường A (T) và vị trí đất tại xã X, thành phố Đ nêu trên."*

Ngày 16/01/2020, UBND thành phố Đ ban hành Thông báo số 13/TB-UBND về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: di dời Nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K tại xã X, thành phố Đ.

Ngày 04-5-2021, Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 1489/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H đang sử dụng để thực hiện dự án xây dựng nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K.

Căn cứ Quyết định số 2274/QĐ-UBND và Văn bản số 7022/UBND-ĐC nêu trên của UBND tỉnh L, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 04-5-2021 về việc thu hồi đất do ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

[2.2] Thửa đất số 671, tờ bản đồ số 18 (2011) xã X, T, tỉnh Lâm Đồng: Năm 1992, gia đình ông S, bà H đã khai hoang 1 lô đất thuộc thửa đất 671, tờ bản đồ số 18 (2011) xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, diện tích 741m^2, địa chỉ thửa đất: Tổ A, thôn L, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Gia đình ông S, bà H đã sử dụng, canh tác trồng cây hoa màu từ năm 1992 đến nay, không tranh chấp, lấn chiếm với các hộ liền kề và cung cấp phiếu lấy ý kiến khu dân cư do ông S, bà H lập về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của 12 người đều xác nhận thời điểm sử

dụng đất của ông S, bà H từ ngày 07-8-1992. Thửa đất nói trên, gia đình ông S, bà H kê khai trong quá trình sử dụng đất từ năm 1992, được đo vẽ thiết lập bản đồ kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo chủ trương của Nhà nước từ năm 2009.

Đến nay gia đình ông bà vẫn chưa được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên nhưng ông S, bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông S, bà H cũng không có tài liệu chứng minh việc khiếu nại khi không được cấp giấy chứng nhận.

Theo hồ sơ địa chính về vị trí, diện tích, nguồn gốc đất đối với thửa đất số 671, tờ bản đồ 18, xã X, thành phố Đ thể hiện:

Thửa đất 671, tờ bản đồ địa chính số 18 (BĐĐC năm 2011), diện tích 741m^2 do ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H đang sử dụng trước đây thuộc một phần thửa đất số 878, tờ bản đồ địa chính số 26 (BĐĐC năm 1994) và Sổ mục kê năm 1994, xã X, thành phố Đ là đất nghĩa trang do UBND xã X quản lý.

Ngày 28-10-1998, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 2815/QĐ-UB về việc quản lý sử dụng nghĩa trang trên địa bàn thành phố Đ với nội dung giao cho Công ty Q quản lý các nghĩa trang theo đúng quy định, trong đó có nghĩa trang X - xã X.

Căn cứ nguồn gốc sử dụng thửa đất số 878, tờ bản đồ địa chính số 26 (BĐĐC năm 1994) và Sổ mục kê năm 1994, xã X nêu trên, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 2815/QĐ-UB giao cho Công ty Q quản lý các nghĩa trang là đúng quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật Đất đai năm 1993.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc lồng ghép bản đồ địa chính thể hiện:

Ông S, bà H đang sử dụng thửa đất 671, tờ bản đồ địa chính số 18 (BĐĐC năm 2011), diện tích 618,7m^2 thuộc một phần thửa đất số 878, tờ bản đồ địa chính số 26 (BĐĐC năm 1994).

Về hiện trạng thửa đất số 671 trồng cây ngắn ngày, đất ủi bằng phẳng theo bậc tam cấp.

[2.3] *Xét việc bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 1486/QĐ-UBND, Ngày 04-5-2021 của và Văn bản số 1917/UBND-NC ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ:*

Ngày 03-3-2020, tổ công tác kiểm định thuộc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đ đã thực hiện việc đo đạc, kiểm tra xác định khối lượng, chất lượng các hạng mục công trình, cây cối, hoa màu đối với diện tích đất bị thu hồi của ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H.

Ngày 15-4-2020, UBND xã X đã lập Biên bản họp xét nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của các hộ do thu hồi đất để thực hiện dự án di dời Nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K tại xã X, thành phố Đ.

Căn cứ kết quả họp xét nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, ngày 16-4-2020, UBND xã X có Báo cáo số 13/BC-UBND về kết quả họp xét nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của các hộ do thu hồi đất để thực hiện dự án di dời Nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K tại xã X, thành phố Đ. Theo nội dung Báo cáo số 13/BC-UBND thể hiện thửa đất 671, tờ bản đồ địa chính số 18 (BĐĐC năm 2011) diện tích 741m^2, đăng ký Sổ mục kê năm 2012, hộ sử dụng đất ông Nguyễn Văn S, mục đích sử dụng đất hàng năm khác. Nguồn gốc đất : Đất nghĩa trang. Thời điểm sử dụng đất tự khai phá năm 1995-1996.

Như vậy, việc xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của ông S, bà H theo Báo cáo số 13/BC-UBND của UBND xã X là phù hợp, đúng với hồ sơ địa chính vì tại thời điểm đo đạc, lập bản đồ địa chính năm 1994 thì diện tích đất bị thu hồi của ông S, bà H thuộc một phần thửa đất số 878, tờ bản đồ địa chính số 26 (BĐĐC năm 1994) và Sổ mục kê năm 1994, xã X, thành phố Đ là đất nghĩa trang do UBND xã X quản lý.

Ngày 04-5-2021, Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 1486/QĐ-UBND về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ do di dời, giải tỏa để thực hiện dự án: Xây dựng nhà máy C của Công ty Cổ phần K; trong đó, phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân do di dời, giải tỏa để thực hiện dự án xây dựng nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K tại xã X, thành phố Đ cho hộ ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H số tiền là 0 đồng.

Ngày 05/4/2022, UBND thành phố Đ ban hành Văn bản số 1917/UBND-NC về việc thống nhất chi phí hỗ trợ cho 03 hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án xây dựng Nhà máy C tại xã X, thành phố Đ: Thống nhất chi phí hỗ trợ cho 03 hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án xây dựng Nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K tại xã X, thành phố Đ theo đề xuất của Phòng T tại Tờ trình số 78/TTr-TNMT ngày 23/02/2022 và Tờ trình số 153/TTr-TNMT ngày 31/3/2022, cụ thể là chi phí hỗ trợ về vật kiến trúc và đất cho hộ ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H là 126.624.000 đồng, trong đó:

Theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 22-01-2020 của UBND tỉnh L quy định các loại giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng thì vị trí đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H thuộc vị trí 1, xã X, đơn giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác là 80.000 đồng/1m^2; đơn giá được hỗ trợ là 80.000 đồng/m^2 x 2 lần = 160.000 đồng/m^2. Tổng số tiền hỗ trợ về đất là 118.560.000 đồng.

Theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 13/3/32019 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc ban hành đơn giá xây dựng mới biệt thự, nhà ở và đơn giá cấu kiện tổng hợp để xác định giá trị tài sản là công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Tỷ lệ bồi thường, hỗ trợ là 80%; Tổng số tiền hỗ trợ về vật kiến trúc là 8.604.000 đồng.

Theo khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013, hộ ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H đang sử dụng có nguồn gốc chiếm dụng đất thuộc nghĩa trang tập đoàn 7 cũ do UBND xã X quản lý và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh L giao cho Công ty Q (nay là Công ty Cổ phần D) quản lý theo Quyết định số 2815/QĐ-UB ngày 28/10/1998 nên không đủ điều kiện bồi thường về đất.

Căn cứ quy định khoản 4 Điều 33 Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh L ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng: Công ty Cổ phần K thống nhất số tiền hỗ trợ chi phí cho 03 hộ gia đình, cá nhân về đất, vật kiến trúc, cây trồng và nộp số tiền hỗ trợ cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đ để chi trả cho các hộ có đất bị thu hồi để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K tại xã X, thành phố Đ.

Như vậy, việc tính toán hỗ trợ về đất, vật kiến trúc, cây trồng đối với hộ ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H đúng quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh L ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

[2.4] *Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 2104/QĐ-UBND ngày 04-7-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ:*

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 04-7-2022 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H với nội dung không chấp nhận khiếu nại là đúng quy định của Luật khiếu nại năm 2011, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 15/5/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-

TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

[2.5] *Về chi phí tố tụng:* Quá trình thu thập chứng cứ, đã tiến hành đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ, ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 3.939.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên buộc người khởi kiện chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Ông S, bà H đã nộp và được quyết toán xong.

[2.6] *Về án phí hành chính sơ thẩm:* Ông S, bà H được miễn án phí.

[3] Từ phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Ông S, bà H kháng cáo không đưa ra được chứng cứ để làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông S, bà H, giữ nguyên án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị.

Ý kiến của người bảo vệ cho ông S đề nghị huỷ án sơ thẩm không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông S, bà H được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 348 và Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Điều 157; khoản 1, 3 Điều 158; Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 15/5/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại;

Căn cứ Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 174/2023/HC-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai" đối với yêu cầu:

+ Hủy Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 04-5-2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc thu hồi đất do ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H đang sử dụng để thực hiện dự án xây dựng nhà máy chế biến Cao Lanh của Công ty Cổ phần K.

+ Hủy Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 04-7-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn S.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng với số tiền là 3.939.000 đồng (ba triệu chín trăm ba mươi chín nghìn đồng), ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H đã nộp và được quyết toán xong.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị H được miễn án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hòa Hiệp **Đặng Văn Ý** **Đinh Ngọc Thu Hương**